

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nghiêm Đình Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Dũng;

2- Bà Bùi Bích Thủy.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Ph, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn Đ (nay là thôn S), xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái,

Chỗ ở: thôn N, xã L huyện L, tỉnh Yên Bái.

2- Bị đơn: Anh Âu Văn M, sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn Đ (nay là thôn S), xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái, Cả 02 đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25-3-2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Triệu Thị Ph trình bày: Năm 1996 chị và anh Âu Văn M về chung sống với nhau, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người sống hòa thuận, tuy không được hạnh phúc nhưng vẫn chịu đựng được, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013 và hai người ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa 02 người có quan điểm sống khác nhau dẫn đến bất hòa; không chịu đựng được chị bỏ đi làm thuê, giữa 02 người không còn quan hệ gì với nhau. Xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh M nên chị yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận giữa chị và anh M là vợ chồng.

Về con chung: Thời gian sống chung giữa chị Triệu Thị Ph và anh Âu Văn M có 02 con chung là Âu Văn H, sinh ngày 22-12-1996 và Âu Thị S, sinh ngày 27-9-1999.

Hiện nay cháu S đã xây dựng gia đình, cháu H đã đến tuổi trưởng nên không đặt ra việc giao người trực tiếp nuôi và cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Ph xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08-4-2019 và các lời khai tiếp theo bị đơn là Âu Văn M trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với lời khai của chị Ph về các nội dung trên.

Về con chung: Khi ly hôn anh M đồng ý như ý kiến chị Ph bởi các cháu đều đã đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản và công nợ chung: Anh cũng nhất trí như ý kiến của chị Ph, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Trường hợp cả 02 đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn xét xử theo quy định chung.

[2] Chị Triệu Thị Ph và anh Âu Văn M về sống chung với nhau năm 1996, không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Quá trình chung sống hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến bất hòa, không chịu đựng được chị Ph bỏ nhà đi làm thuê, hai người cắt đứt quan hệ từ năm 2013 đến nay. Xác định không tiếp tục duy trì cuộc sống chung, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tại Điều 9: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện...*". Thực tế trong vụ án này chị Triệu Thị Ph và anh Âu Văn M về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 quy định về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn "*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*"

Như vậy cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố chị Triệu Thị Ph và anh Âu Văn M không phải là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thống nhất do các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra việc giao người trực tiếp nuôi cũng như cấp dưỡng. Thấy rằng đây là thỏa thuận thực tế nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và công nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

[5] Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 238, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1-Tuyên bố chị Triệu Thị Ph và anh Âu Văn M không phải là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Ph đã nộp đủ số tiền án phí theo biên lai số AA/2017/0002499 ngày 25-3-2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lục Yên.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA.DS huyện;
- UBND xã Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ-TA.

Nghiêm Đình Phương